

Dây điện cực	Selox SR		Setrox S		Siello S		Safio S		Solia S	
Tiêu chuẩn phích	IS-1		IS-1		IS-1		IS-1		IS-1	
Cổ định	vít		vít		vít		vít		vít	
Khoảng cách đầu-nhẫn	10 mm		10 mm		10 mm		10 mm		10 mm	
Độ dài	45/ 53/ 60 cm		45/ 53/ 60 cm		45/ 53/ 60 cm		53/ 60 cm		45/ 53/ 60 cm	
Cổ định xoắn ốc										
Loại	có thể rút vào, dẫn điện		có thể rút vào, dẫn điện		có thể rút vào, dẫn điện		có thể rút vào, dẫn điện		có thể rút vào, dẫn điện	
Bề dài vít	1.9 mm tối đa		1.8 mm tối đa		1.8 mm tối đa		1.8 mm tối đa		1.8 mm tối đa	
Chất liệu	70% pt, 30% Ir		70% pt, 30% Ir		4.5 mm2		platinum/Iridium		4.5 mm2	
Kết cấu bề mặt	fractal		Iridium, fractal		platinum/Iridium		iridium fractal		platinum/Iridium	
Diện tích	2.0 mm2		4,5 mm2		iridium fractal		4.5 mm2		iridium fractal	
Điện cực nhẵn										
Diện tích	38 mm2		17,5 mm2		17,4 mm2		17,5 mm2		17,4 mm2	
Chất liệu	Irridium		90% Platinum, 10% Irridium		platinum/ Iridium		platinum/Irridium		platinum/ Iridium	
Kết cấu bề mặt	fractal		Iridium fractal		iridium fractal		iridium fractal		iridium fractal	
Đường kính	2.6 mm (7.8F)		2.23 mm (6.7F)		1,9 mm (5,9F)		2.23 mm (6.7F)		1,9 mm (5,9F)	
Dây dẫn	Phần xa	Phần gần	Phần xa	Phần gần	Phần xa	Phần gần	Phần xa	Phần gần	Phần xa	Phần gần
Chất cách điện	Silicone	Silicone	Silicone	Silicone	Silicone	Silicone, polyurethane	Silicone		Silicone	Silicone, polyurethane
Chất dây dẫn	MP35N	MP35N	MP35N	MP35N	MP35N	MP35N	nickel-cobalt alloy		nickel-cobalt alloy	nickel-cobalt alloy
Điện trở (53 và 60 cm)	0.2 Ohm/cm	1.2 Ohm/cm	0.65 Ohm/cm	2,04 Ohm/cm	0,65 Ohm/cm	2,45 Ohm/cm	0,65 Ohm/cm	2,04 Ohm/cm	0.65 Ohm/cm	2,45 Ohm/cm
Đường kính ống thông	2.4 mm (7.2F)		2.2 mm (6,6F)		1.8 mm (5.6F)		2.2 mm (6.6F)		1.8 mm (5.6F)	
Nhẫn chứa chất steroid										
Chất thuốc	Dexamethasone acetate (DXA)		Dexamethasone acetate (DXA)				Dexamethasone acetate (DXA)			
lượng thuốc	1 mg		0,75 mg		0.85 mg		0.75 mg		0.85 mg	
Chất giữ thuốc	Nhẫn Silicone rubber		Silicone rubber		Silicone rubber		Silicone rubber		Silicone rubber	
Kim thích hợp	8F		7F		6F		7F		6F	

Dây điện cực thượng tâm m	Myopore
Cực tính	lưỡng cực
Phích	IS-1
Cổ định	vít dẫn điện
Bề dài	25, 35, 54 cm
Ca-tốt	
Chất liệu	platinum, iridium
Diện tích	10 mm2
Lớp phủ	lớp phủ platin
Tâm sâu vào cơ tim	3.5 mm
A-nốt	
Chất liệu	titanium
Dện tích	62 mm2
Dây dẫn	
Kết cấu	coiled wire
Chất liệu	MP35N
Chất cách điện	silicone
Đường kính	7.2 F
Introducer	Fastac